

TỔNG HỢP KINH PHÍ CẤP BÙ

**TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ CÒN THIẾU HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026,
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND xã Diễn Châu)

TT	Tên trường	Số lượng học sinh, sinh viên	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
I	Học kỳ I năm học 2025-2026		36.750.000	
1	Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng	6	36.750.000	
II	Học kỳ II năm học 2025-2026		637.580.000	
1	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hong Lam	23	195.500.000	
2	Trường Y khoa Miền Trung	43	323.000.000	
3	Trường trung cấp Nguyễn Tất Thành	7	47.600.000	
4	Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng	9	55.650.000	
5	Trường Cao đẳng Công nghệ TP HCM	1	9.250.000	
6	Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội	1	6.580.000	
	Tổng cộng		674.330.000	

Bảng chữ: Sáu trăm bảy mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng chẵn.

DANH SÁCH HỌC SINH
CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
(Từ tháng 09/2025 đến tháng 1/2026)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND xã Diễn Châu)

TT	Lớp _ MSV	Họ và	Ngày Sinh	Hộ Khẩu Thường Trú			Ngành học	Khoá học	Học phí học kỳ I năm học 2025-2026 (Theo Nghị định 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025)		Tổng (ĐVT: VNĐ)	STK	Ngân hàng	Ghi chú
				Xóm	Xã	Tỉnh			Số tháng	Số tiền/tháng				
I. Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng										36.750.000				
1	MKT19-CD-LT	Nguyễn Văn Giang	12/12/1987	Xóm 9	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2025-2027	5	1.050.000	5.250.000	106803885889	Vietinbank	Đối tượng giảm 70% HP theo điểm b khoản 1 điều 16 NĐ 238/22025
2	MKT19-TC-LT	Nguyễn Văn Nam	01/08/1996	Xóm Ngọc Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	66663456789999	MB bank	
3	ĐKT19-TCL-LT	Thái Bá Hải	16/04/1995	Xóm Ngọc Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	8862036428	BIDV	
4	ĐKT19-TCL-LT	Trần Văn Mạnh	31/10/2002	Xóm Hải Nam	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	0905077267	MB bank	
5	ĐKT19-TCL-LT	Phan Trung Hậu	29/08/1997	Xóm Yên Quang	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	29081997777	TP bank	
6	ĐKT19-CD1	Phan Bá Duy Mạnh	23/04/2005	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	1037760360	Vietcombank	
Tổng cộng											36.750.000			

Bảng chữ: Ba mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

DANH SÁCH HỌC SINH
CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
(Từ tháng 2 đến tháng 6/2026)

(Kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 5 năm 2026 của UBND xã Diễn Châu)

TT	Lớp_MSV	Họ và	Ngày Sinh	Hộ Khẩu Thường Trú			Ngành học	Khoa học	Học phí học kỳ II năm học 2025-2026 (Theo Nghị định 238/NĐ-CP ngày 03/9/2025		Tổng (DVT: VND)	STK	Ngân hàng	Ghi chú
				Xóm	Xã	Tỉnh			Số tháng	Số tiền/tháng				
I. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hồng Lam											195.500.000			
1	K20T_DL9_001	Lâm Quốc Anh	23/02/2009	Xóm 7	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220046445	Agribank chi nhánh Nam NA	
2	K20T_DL9_015	Đậu Thị Lài	05/02/2009	Ngọc Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220046909	Agribank chi nhánh Nam NA	
3	K20T_DL9_019	Cao Thị Minh	28/05/2008	Xóm 10	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047028	Agribank chi nhánh Nam NA	
4	K20T_DL9_021	Quản Bá Nam	28/03/2009	Xóm 7	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047159	Agribank chi nhánh Nam NA	
5	K20T_DL9_026	Vũ Duy Phú	05/09/2009	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047448	Agribank chi nhánh Nam NA	
6	K20T_DL9_031	Đậu Thành Tài	17/01/2009	Xóm 8	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220052028	Agribank chi nhánh Nam NA	
7	K20T_DL9_032	Thái Bá Tài	02/02/2009	Xóm 6	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047720	Agribank chi nhánh Nam NA	
8	K20T_DL9_036	Đặng Mạnh Trường Duy	17/02/2009	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047772	Agribank chi nhánh Nam NA	
9	K20T_DL10_002	Phạm Lê Việt Anh	21/09/2009	Khối 4	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220045357	Agribank chi nhánh Nam NA	
10	K20T_DL10_030	Phạm Trần Cường Thịnh	28/09/2009	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047142	Agribank chi nhánh Nam NA	
11	K20T_DL10_033	Phan Đình Việt	13/12/2009	Xóm 3	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2024 -2026	5	1.700.000	8.500.000	3601220047209	Agribank chi nhánh Nam NA	
12	K21T_DL3	Lê Thiện Bảo	18/01/2010	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220034922	Agribank chi nhánh Nam NA	
13	K21T_DL3	Trần Tuấn Dũng	13/05/2010	Xóm Tây Lộc	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220034945	Agribank chi nhánh Nam NA	
14	K21T_DL3	Trần Quốc Đình	28/03/2010	Xóm Trung Hồng	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220052296	Agribank chi nhánh Nam NA	
15	K21T_DL3	Đặng Thọ Hưng	17/12/2008	Xóm 1	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220035613	Agribank chi nhánh Nam NA	
16	K21T_DL3	Trần Gia Huy	15/03/2010		Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220052317	Agribank chi nhánh Nam NA	
17	K21T_DL3	Trần Tuấn Khang	12/03/2010	Xóm Trung Hồng	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220035744	Agribank chi nhánh Nam NA	
18	K21T_DL3	Cao Thăng Long	10/10/2010	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220035750	Agribank chi nhánh Nam NA	
19	K21T_DL3	Nguyễn Thị Trà My	22/03/2010	Xóm 1	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220035823	Agribank chi nhánh Nam NA	

20	K21T_DL3	Cao Đức Nhất	26/05/2010	Xóm Tân Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220052381	Agribank chi nhánh Nam NA	
21	K21T_DL3	Ngô Văn Thành Rum	06/05/2009	Khối 3	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220035977	Agribank chi nhánh Nam NA	
22	K21T_DL3	Phạm Ngọc Tài	30/01/2010	Xóm 3	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220036015	Agribank chi nhánh Nam NA	
23	K21T_DL3	Mai Văn Tuấn	03/10/2010	Xóm 6	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật CBMA	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	3601220036123	Agribank chi nhánh Nam NA	
II. Trường Y khoa Miền Trung											323.000.000			
1	K21DCT1	Đào Thị Lan Anh	28/09/2010	Xóm Trường Tiến	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	103886773469	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
2	K20DCT	Đậu Gia Báo	30/01/2009	Hải Trung	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	107886555369	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
3	K21DCSD1	Võ Thị Nguyệt Ánh	06/11/2010	Xóm 5	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	108886690618	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
4	K21DCH1	Trần Văn Danh	22/05/2010	Xóm 11	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	101886575563	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
5	K20CSSD1	Đặng Thị Đào	11/05/2009	Xóm 3	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	109886563540	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
6	K21DCT1	Đậu Thành Đạt	07/09/2010	Xóm 10	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	100886563985	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
7	K21DCT1	Trần Minh Đạt	11/11/2010	Khối 4	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	101886690627	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
8	K21DCH1	Nguyễn Ngọc Đức	03/08/2010	Trường Tiến	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	109886575565	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
9	K21DCSD1	Phan Thị Ngọc Hân	08/06/2010	Đông Lộc	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	104886555387	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
10	K21DCT1	Đậu Thị Hiền	26/06/2010	Xóm 7	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	108886563987	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
11	K21DCT1	Thái Thị Hòa	30/07/2010	Trung Hồng	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	106886690634	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
12	K21DCSD1	Cao Thanh Hoan	11/11/2010	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	103886555388	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
13	K20DCH1	Đậu Thị Thu Huyền	31/10/2009	Xóm 10	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	107886578182	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
14	K20CSSD1	Ngô Hồng Khánh	27/03/2009	Khối 4	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	108886563541	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
15	K20DCH2	Nguyễn Duy Khánh	20/02/2009	Khối 4	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	109886555355	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
16	K20CSSD1	Nguyễn Thị Phương Linh	19/09/2009	Trung Tiến	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	102886564667	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
17	K21DCSD1	Nguyễn Thị Thùy Linh	13/06/2010	Xóm 7	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	101886555392	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
18	K21DCH1	Cao Thị Mai	11/09/2010	Xóm 10	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	100886575577	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
19	K21DCSD1	Nguyễn Thị Trà My	07/06/2010	Xóm 1	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	108886555395	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
20	K20DCH2	Nguyễn Thị Kiều Na	01/11/2009	Xóm 9	Diễn châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	109886564658	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
21	K21DCT1	Phan Lê Hoàng Ngân	13/02/2010	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	103886564642	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
22	K21DCH1	Thái Thị Ngân	10/09/2010	Xóm Đông Lộc	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	109886575578	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
23	K21DCSD1	Nguyễn Thảo Nhi	03/05/2010	Xóm Trung Hồng	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	104886555399	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
24	K21DCT1	Nguyễn Kim Hoàng Phú	21/11/2010	Xóm 5	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	107886564635	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
25	K21DCH1	Nguyễn Minh Quân	09/11/2010	Trung Yên	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	107886575582	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
26	K21DCH1	Đậu Tiến Tài	11/05/2010	Xóm Phúc Thiêm	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	104886575585	Vietinbank Chi nhánh Vinh	
27	K21DCT1	Nguyễn Doãn Tú	20/12/2010	Khối 4	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	107886690621	Vietinbank Chi nhánh Vinh	

28	K21DCSD1	Nguyễn Trần Thanh Thảo	11/10/2010	Xóm Ngọc Văn	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	106886555402	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
29	K21DCSD1	Đậu Thị Anh Thư	04/07/2010	Xóm 8	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	105886555403	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
30	K21DCH1	Nguyễn Thị Anh Thư	01/07/2010	Xóm 5	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	100886575589	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
31	K20CSSĐ1	Nguyễn Thị Đoàn Trang	27/07/2009	xóm Tân Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	100886563549	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
32	K21DCSD1	Phạm Thị Quỳnh Trang	23/07/2009	Xóm 1	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	103886555405	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
33	K20DCH2	Nguyễn Văn Trung	05/10/2009	Xóm 11	Diễn châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	104886555362	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
34	K21DCH1	Đậu Thụy Vân	04/06/2010	X Nam Thịnh,	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	101886575590	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
35	K21DCSD1	Trần Thị Vân	14/11/2010	Xóm Ngọc Văn	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2025 -2027	5	1.700.000	8.500.000	101886555407	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
36	K21DCH1	Nguyễn Văn Vương	17/10/2010	Xóm Trung Yên	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2025 -2027	5	1.360.000	6.800.000	100886575591	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
37	K20DCH2	Hoàng Thị Phương Vy	11/10/2009	Xóm 7	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	100886564657	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
38	K20DCT	Cao Thị Thanh Xuân	25/07/2009	Xóm 3	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Trung Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	108886555383	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
39	K20CSSĐ1	Nguyễn Thanh Phong	22/09/2008	Xóm 5	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	102886563547	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
40	K20DCH1	Đậu Thị Lan Anh	19/07/2009	Xóm Hải Trung	Diễn Châu	Nghệ An	Tiếng Hàn Quốc	2024-2026	5	1.360.000	6.800.000	106886578171	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
41	K20CSSĐ2	Nguyễn Thùy Linh	19/05/2009	Phúc Thiêm	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	105886563271	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
42	K20CSSĐ2	Đinh Thị Thu Trang	39845	Tân Lộc	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	101886564629	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
43	K20CSSĐ2	Lê Thị Hà Uyên	39943	Nam Thịnh	Diễn Châu	Nghệ An	Tạo mẫu và CS sắc đẹp	2024-2026	5	1.700.000	8.500.000	107886563281	Vietinbank Chi nhánh Vinh							
III. Trường trung cấp Nguyễn Tất Thành																		47.600.000		
1	K103TrT	Nguyễn Linh Trang	07/03/2010	Khối 5	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205959429	Agribank							
2	K103TrT	Ngô Sỹ Phong	13/09/2010	Xóm Trung Yên	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205959487	Agribank							
3	K103TrT	Nguyễn Thái Bảo Nam	01/04/2010	Xóm Tây Lộc	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205959470	Agribank							
4	K103TrT	Đậu Đăng Thắng	27/06/2010	Xóm Phúc Thiêm	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205959391	Agribank							
5	K103TrT	Nguyễn Đức Chính	28/12/2009	Xóm Đông Lộc	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205962259	Agribank							
6	K103TrT	Trần Thị Ngân	01/05/2010	Xóm Quyết Thắng	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205959441	Agribank							
7	K103TrT	Phan Hữu Thành	24/03/2010	Xóm 6	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ truyền thông	2025-2027	5	1.360.000	6.800.000	3600205959934	Agribank							
IV. Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng																		55.650.000		
1	MKT19-CD-LT	Nguyễn Văn Giang	12/12/1987	Xóm 9	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2025-2027	5	1.050.000	5.250.000	106803885889	Vietinbank	Đối tượng giảm 70% HP theo điểm b khoản 1 điều 16 ND 238/22025						
2	MKT19-TC-LT	Nguyễn Văn Nam	01/08/1996	Xóm Ngọc Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	66663456789999	MB bank							
3	ĐKT19-TCL-LT	Thái Bá Hải	16/04/1995	Xóm Ngọc Minh	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	8862036428	BIDV							
4	ĐKT19-TCL-LT	Trần Văn Mạnh	31/10/2002	Xóm Hải Nam	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	0905077267	MB bank							
5	ĐKT19-TCL-LT	Phan Trung Hậu	29/08/1997	Xóm Yên Quang	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	29081997777	TP bank							
6	ĐKT19-CD1	Phan Bá Duy Mạnh	23/04/2005	Xóm 2	Diễn Châu	Nghệ An	Điều khiển Tàu biển	2025-2027	5	1.260.000	6.300.000	1037760360	Vietcombank							
7	LT-TC	Hoàng Quân Mạnh	01/02/1998	Xóm 9	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2024-2026	5	1.260.000	6.300.000	9704229208445134713	MB bank							
8	MKT18TC4LT	Vũ Ngọc Lợi	23/10/1992	Xóm Yên Thịnh	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2024-2026	5	1.260.000	6.300.000	6700828321	BIDV							
9	MKT18TC4LT	Chăm Văn Linh	25/06/1988	Xóm Hải Nam	Diễn Châu	Nghệ An	Máy Tàu biển	2024-2026	5	1.260.000	6.300.000	0836996178	MB bank							

V. Trường Cao đẳng Công nghệ TP HCM											9.250.000			
1	TC250703	Hồ Anh Kiệt	10/08/2010	Xóm 3	Diễn Châu	Nghệ An	Công nghệ kỹ thuật ô tô	2025-2027	5	1.850.000	9.250.000	109873149505	Viettinbank	Lê Thị Nga
VI. Trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội											6.580.000			
1	KTML2K17	Cao Đăng Hoàn	30/05/2007	Xóm Yên Xuân	Diễn Châu	Nghệ An	Kỹ thuật máy lạnh	2025-2028	5	1.316.000	6.580.000	1061673052	Vietcombank	Đối tượng giảm 70 % HP theo điểm b khoản 1 điều 16 ND 238/22025
Tổng cộng: (I+II+III+IV+V+VI)											637.580.000			

Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.